

**KẾ HOẠCH**  
**Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước xã Đại Phước năm 2026**

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

Căn cứ Công điện số 33/CD-TTg ngày 07/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn thông tin mạng;

Căn cứ Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 469-KH/TU ngày 16/5/2025 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Kế hoạch số 487-KH/TU ngày 24/6/2025 của Tỉnh ủy Đồng Nai về việc thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 15/9/2025 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung cập nhật Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị

quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 469-KH/TU ngày 16/5/2025 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Kế hoạch số 179/KH-UBND ngày 18/11/2025 của UBND tỉnh phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 12/02/2026 của UBND tỉnh Triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 09/3/2026 của UBND tỉnh Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 2-KH/ĐU ngày 11/9/2025 của Đảng ủy xã Đại Phước Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn xã Đại Phước;

Căn cứ Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 30/9/2025 của UBND xã Sửa đổi, bổ sung, cập nhật Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ, Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 15/9/2025 của UBND tỉnh và Kế hoạch số 2-KH/ĐU ngày 11/9/2025 của Đảng ủy xã Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn xã Đại Phước;

Căn cứ Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 29/10/2025 của UBND xã Chuyển đổi số gắn với công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trên địa bàn xã Đại Phước giai đoạn 2025 đến 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 24/11/2025 của UBND xã triển khai thực hiện Chương trình hành động của Đảng ủy xã về “Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành và giải quyết các thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp giai đoạn 2025 - 2030”.

Căn cứ vào tình hình thực tiễn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và công tác đảm bảo an toàn thông tin của xã Đại Phước thời gian qua, Ủy ban nhân dân xã ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước xã Đại Phước năm 2026, cụ thể như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được đề ra tại Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 09/3/2026 của UBND tỉnh về Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước tỉnh Đồng Nai năm 2026; Kế hoạch số 2-KH/ĐU ngày 11/9/2025

của Đảng ủy xã Đại Phước thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn xã Đại Phước và số 100/KH-UBND ngày 24/11/2025 của UBND xã.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tăng năng suất lao động và chất lượng dịch vụ công; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

- Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành của các cơ quan, đơn vị trong kiến tạo; phát huy trách nhiệm của người đứng đầu trong tổ chức triển khai các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đồng thời tạo sự đồng thuận xã hội, huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp, người dân và các tổ chức xã hội trên địa bàn xã tham gia thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

## **2. Yêu cầu**

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phải bám sát Kế hoạch của UBND tỉnh và Kế hoạch của Đảng ủy, UBND xã; đồng thời xác định rõ các chỉ tiêu cụ thể, mốc thời gian, nguồn lực thực hiện và cơ chế đánh giá kết quả triển khai kế hoạch.

- Bảo đảm tính đồng bộ, khả thi và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương; nâng cao hiệu quả thực hiện, tránh chồng chéo, cục bộ, lãng phí nguồn lực; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và xử lý các điểm nghẽn trong quá trình triển khai.

- Phân công rõ trách nhiệm cho từng cơ quan, đơn vị; gắn với công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện, nhằm phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo của các ngành, lĩnh vực và bảo đảm thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ đã đề ra.

- Từng cơ quan, đơn vị chủ động đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức và phát huy tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; từng bước đổi mới phương thức quản lý, điều hành và hoạt động của cơ quan, đơn vị.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Trung ương và của tỉnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, cũng như nội dung của kế hoạch; qua đó nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn xã trong việc tham gia, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

- Hướng đến hình thành Chính quyền số dựa trên việc hoàn thiện, hình thành hạ tầng số hiện đại, củng cố nền tảng số, chuyển đổi hoạt động điều hành nền hành chính dựa trên dữ liệu số, và tạo ra động lực mới thúc đẩy phát triển của địa phương.

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hạ tầng số, nền tảng số thống nhất, ổn định, hiện đại bảo đảm liên thông, khai thác, sử dụng, chia sẻ và cập nhật dữ liệu an toàn, bảo mật thông tin và an ninh mạng; chia sẻ dữ liệu số tạo tiền đề xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số hiện đại, minh bạch, hiệu quả; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tạo đột phá trong cải cách hành chính, điều hành, quản trị công và phát triển bền vững.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, thực hiện chuyển đổi số trong công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành và giải quyết các thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp giai đoạn 2025 - 2030 đảm bảo mục tiêu của chương trình hành động của Nghị quyết Đảng bộ xã Đại Phước lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 -2030.

## **2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể**

### **2.1. Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số**

- 100% cơ quan hành chính nhà nước được đầu tư, chuẩn hóa trang thiết bị công nghệ thông tin, đường truyền đảm bảo để khai thác sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung, các nền tảng số được cấp trên triển khai một cách hiệu quả.

- Hạ tầng mạng wifi tốc độ cao được đầu tư, lắp đặt phủ sóng tại trụ sở làm việc của các cơ quan hành chính nhà nước và các điểm sinh hoạt công cộng phục vụ chuyển đổi số.

- Phối hợp các doanh nghiệp Viễn thông rà soát triển khai các giải pháp phủ sóng mạng 5G trên địa bàn xã đến hết năm 2026 tối thiểu phủ 85%; tỷ lệ 70% người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ cao (01 Gbps) theo lộ trình của tỉnh đề ra.

### **2.2. Phát triển nguồn lực**

- Tỷ lệ chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số/GRDP từ 2% trở lên và tăng dần theo yêu cầu phát triển của địa phương.

- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản đạt 100%.

- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành, thực hiện chuyên môn nghiệp vụ đạt 100%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông đạt trên 90%.

### **2.3. Phát triển chuyển đổi số**

- Phân đầu Chỉ số chuyển đổi số của xã thuộc Top 10 của tỉnh Đồng Nai.

- Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền đạt 90%.
- Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến đạt 100%.
- Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc” đạt 100%.
- Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa đạt 100%.
- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện đạt 100%.
- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến đạt 95%.
- Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 80%.
- Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt trên 90%.
- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt trên 80%.
- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt trên 80%.
- Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước đạt 100%.
- Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử đạt 100%.
- Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử đạt 100%.
- Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt đạt trên 80%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, tiểu thương, hội kinh doanh trên địa bàn xã ứng dụng công nghệ số đạt trên 60%.
- Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID) đạt trên 80%.
- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh có chữ ký số đạt 100%.
- Tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số đạt trên 50%.
- Tỷ lệ các cơ quan đảng ủy, chính quyền xã sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất đạt 90%.
- Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt trên 95%.
- Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đạt trên 95%.
- Tỷ lệ người dân được định danh số đạt 100%.

- Tỷ lệ cung cấp dữ liệu mở theo Kế hoạch đạt 100%.
- 100% báo cáo kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.
- Trên 90% trường Tiểu học đến THCS có triển khai môn học giáo dục STEM và kỹ năng số.
- 100% Tổ công nghệ số cộng đồng được phổ cập kỹ năng số đảm bảo hoạt động hiệu quả, trực tiếp hướng dẫn người dân sử dụng nền tảng, dịch vụ số.
- 90% Hợp tác xã, hộ kinh doanh, cửa hàng, tiểu thương trên địa bàn xã có cung cấp và chấp nhận thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt.
- 100% máy tính làm việc có kết nối mạng internet của người dùng cuối trong các cơ quan, đơn vị xã phải được cài đặt phần mềm phòng chống mã độc Cyradar được Sở Khoa học và Công nghệ triển khai.
- 100% tài khoản sử dụng trên các hệ thống dùng chung của Trung ương, của Tỉnh phải được thiết lập mật khẩu an toàn theo đúng quy định và thay đổi mật khẩu theo định kỳ.
- Rà soát, làm sạch dữ liệu dân cư, hộ tịch, đất đai đảm bảo “*đúng, đủ, sạch, sống*” khớp với dữ liệu quốc gia về Dân cư.
- Hệ thống thông tin mạng nội bộ của xã được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin (cấp độ 1) và được đảm bảo triển khai phương án đảm bảo an toàn thông tin theo hồ sơ cấp độ; Chú trọng công tác vận hành theo dõi, rà soát thường xuyên tình trạng hoạt động của hạ tầng mạng kịp thời xử lý các xâm nhập trái phép, các lỗ hổng bảo mật có thể ảnh hưởng đến công tác an toàn thông tin, an ninh mạng.

### **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

#### **1. Nhóm nhiệm vụ Nâng cao nhận thức và Kỹ năng số**

- Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ triển khai các lớp bồi dưỡng về kỹ năng số, an toàn thông tin được tổ chức.
- Tập trung bồi dưỡng kỹ năng chuyển đổi số, dịch vụ công trực tuyến, chữ ký số,... cho các Tổ công nghệ số cộng đồng để đảm bảo kỹ năng, kiến thức thực hiện nhiệm vụ.
- Tập trung đẩy mạnh việc triển khai Chương trình phổ cập kỹ năng số cho người dân trên địa bàn xã (Chương trình Bình dân học vụ số, chữ ký số, nền tảng số),...
- Phát huy vai trò Tổ Công nghệ số cộng đồng, triển khai đồng bộ và giao chỉ tiêu cho từng thành viên Tổ (đoàn thanh niên, Trưởng ấp, Tổ viên) thực hiện chiến dịch “*đi từng ngõ, gõ từng nhà*” để hướng dẫn người dân cài VNeID, chữ ký số, phổ cập kỹ năng số, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt,....

## **2. Nhóm nhiệm vụ Phát triển Chính quyền số**

- Các ngành tập trung cao điểm chiến dịch làm sạch dữ liệu các lĩnh vực: Dữ liệu dân cư, hộ tịch, đất đai, an sinh xã hội,... rà soát, đối khớp dữ liệu đảm bảo đúng, đủ, sạch, sống thực hiện cập nhật, chia sẻ và khai thác sử dụng; chủ động chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực đảm bảo đồng bộ, hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Tập trung các giải pháp thực hiện công tác chuyển đổi số trong phục vụ người dân, doanh nghiệp đảm bảo đạt, vượt các chỉ tiêu về giải quyết thủ tục hành chính được đề ra tại Kế hoạch này.

- Nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến: Bố trí, phát huy tối đa vai trò các Tổ Công nghệ số cộng đồng, đoàn thanh niên tại Trung tâm Phục vụ hành chính công hỗ trợ người dân nộp hồ sơ trực tuyến và thanh toán trực tuyến phí lệ phí thủ tục hành chính. Đảm bảo thực hiện số hóa hồ sơ đầu vào ngay khi tiếp nhận và đầu ra khi có kết quả giải quyết.

## **3. Nhóm nhiệm vụ Phát triển Xã hội số**

- Phổ cập chữ ký số và hồ sơ sức khỏe điện tử: Tổ chức các điểm đăng ký tập trung, lưu động tại Nhà văn hóa áp vào các ngày cuối tuần để cấp chữ ký số và hỗ trợ Trạm Y tế nhập liệu hồ sơ sức khỏe cho người dân.

- Phổ cập kỹ năng số cho người dân: Tổ chức các đợt ra quân của các Tổ công nghệ số cộng đồng thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn người dân sử dụng các nền tảng phổ cập trực tuyến, chữ ký số, VNeID, dịch vụ công trực tuyến,... tại Nhà văn hóa ấp, trên các tuyến đường chính trên địa bàn xã; chú trọng việc triển khai đến người dân tiếp cận tham gia phổ cập kỹ năng số trong chương trình “Bình dân học vụ số”.

- Tăng cường tuyên truyền trên hệ thống phát thanh về ý nghĩa, lợi ích của các chương trình phổ cập kỹ năng số, chữ ký số cho người dân. Thực hiện các pano tuyên truyền về phổ cập kỹ năng số cho người dân, an toàn thông tin, phòng chống lừa đảo trực tuyến.

## **4. Nhóm nhiệm vụ Phát triển Kinh tế số**

- Thúc đẩy thanh toán số: Các ngành xã chủ động Phối hợp với chi nhánh các ngân hàng các doanh nghiệp viễn thông tổ chức ra quân dán mã QR miễn phí cho các tiểu thương tại các Chợ truyền thống và các khu vực đông dân cư.

- Tổ chức hướng dẫn các tiểu thương, hộ kinh doanh, chủ sản phẩm OCOP đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử, kỹ năng bán hàng trên mạng.

- Đẩy mạnh hỗ trợ các doanh nghiệp, tiểu thương, hộ kinh doanh, người dân hiện diện trực tuyến an toàn với tên miền quốc gia “vn”.

- Thúc đẩy các doanh nghiệp viễn thông phát triển hạ tầng mạng di động 5G, hạ tầng cáp quang tốc độ cao phủ toàn diện trên địa bàn xã.

- Triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số, tập trung vào doanh nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ.

### **5. Nhóm nhiệm vụ Phát triển hạ tầng số**

- Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ triển khai các giải pháp phát triển hạ tầng số chú trọng hạ tầng mạng viễn thông, mạng cáp quang, chuyển đổi sử dụng dây IPv6.

- Tập trung đầu tư, nâng cấp hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số trong các cơ quan nhà nước và trong xã hội làm nền tảng cho chuyển đổi số bền vững.

- Triển khai chuyển đổi hạ tầng truyền thông từ hệ thống đài FM không dây sang ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông.

### **6. Nhóm nhiệm vụ An toàn thông tin**

- Tiếp tục phối hợp cơ quan chuyên môn về an ninh mạng của tỉnh (Công an tỉnh) hoàn thiện phê duyệt cấp độ an toàn thông tin cho hệ thống thông tin của xã; đồng thời trên cơ sở đó rà soát triển khai phương án đảm bảo an toàn thông tin theo hồ sơ cấp độ.

- Nâng cấp thiết bị: các cơ quan, đơn vị xã rà soát nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin (máy tính, máy in,...) đảm bảo hoạt động của cơ quan, đơn vị mình và phục vụ người dân.

- Quán triệt việc cài đặt phòng chống mã độc tại máy tính làm việc của cán bộ, công chức, viên chức và việc thực hiện đảm bảo an toàn thông tin theo quy định ban hành quy chế đảm bảo an toàn thông tin trong cơ quan nhà nước.

- Bảo đảm trong công tác vận hành Hệ thống mạng nội bộ của UBND xã thực hiện thường xuyên, định kỳ việc kiểm tra, giám sát, kiểm soát, xử lý kịp thời các sự cố xảy ra không gây gián đoạn và mất an toàn thông tin trong các cơ quan, đơn vị xã.

## **IV. DANH MỤC CHỈ TIÊU CỤ THỂ**

Phân công chi tiết theo **Phụ lục I** được kèm theo Kế hoạch này (*đính kèm*).

## **V. DANH MỤC NHIỆM VỤ/DỰ ÁN**

Chi tiết nhiệm vụ/dự án theo **Phụ lục II** được kèm theo Kế hoạch này (*đính kèm*).

## **VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí thực hiện từ các nguồn kinh phí theo quy định của pháp luật như sau:

- Nguồn ngân sách khoa học công nghệ được tỉnh phân bổ và nguồn hỗ trợ của tỉnh cho đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin.

- Nguồn ngân sách xã.

- Các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có).

## **VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Các cơ quan, đơn vị**

- Trên cơ sở nội dung Kế hoạch này. Các cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện, hoàn thành trong **tháng 03/2026**, gửi Kế hoạch về UBND xã (qua Phòng Văn hóa - Xã hội), đồng thời thường xuyên rà soát, cập nhật bổ sung các nhiệm vụ phát sinh mới để triển khai một cách toàn diện.

- Chịu trách nhiệm rà soát các nhiệm vụ được giao thực hiện chủ trì, phối hợp chủ động thực hiện một cách đảm bảo, có đánh giá, báo cáo cụ thể theo từng quý.

- Thủ trưởng từng cơ quan, đơn vị; từng ngành, lĩnh vực nâng cao vai trò, trách nhiệm, phải trực tiếp chỉ đạo, phân công thực hiện các nội dung của Kế hoạch; kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này, định kỳ hàng quý (trước ngày 15 của tháng cuối quý) hoặc khi có yêu cầu đột xuất báo cáo kết quả thực hiện về UBND xã) qua Phòng Văn hóa – Xã hội để tổng hợp.

### **2. Phòng Văn hóa - Xã hội**

Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện, kịp thời báo cáo và kiến nghị UBND xã, Chủ tịch UBND xã các khó khăn, vướng mắc và biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ, thống nhất, hiệu quả Kế hoạch. Thực hiện đánh giá tiến độ về kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị các ngành, lĩnh vực báo cáo UBND xã, Ban Chỉ đạo tháo gỡ các điểm nghẽn kịp thời.

### **3. Phòng Kinh tế**

Trên cơ sở nhiệm vụ đề ra tại kế hoạch này và các nhiệm vụ được đề xuất từ các cơ quan, đơn vị xã thực hiện tổng hợp các nhiệm vụ có kinh phí để thực hiện, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách của xã, báo cáo tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét bố trí đảm bảo kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành. Tổng hợp, báo cáo cấp thẩm quyền xem xét xử lý những vấn đề liên quan kinh phí thực hiện vượt thẩm quyền (nếu có).

### **4. Trung tâm Phục vụ hành chính công**

Tiếp tục việc đảm bảo thực hiện giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm đảm bảo chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công

theo thời gian thực trên môi trường điện tử theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/06/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

### **5. Công an xã**

Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị khẩn trương làm sạch dữ liệu dân cư của xã; tập trung các biện pháp nâng cao tỷ lệ kích hoạt định danh điện tử, danh tính số cho công dân xã đảm bảo đạt chỉ tiêu trong năm 2026; thực hiện đảm bảo các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án 06 đề ra theo thẩm quyền.

### **6. Trung tâm dịch vụ tổng hợp**

Mở chuyên mục chuyên biệt thực hiện tuyên truyền sâu, rộng Kế hoạch này và các Kế hoạch liên quan phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Trên đây là Kế hoạch Chuyên đổi số trong các cơ quan nhà nước xã Đại Phước năm 2026. UBND xã yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị xã theo chức năng, nhiệm vụ triển khai thực hiện hiệu quả; kịp thời báo cáo UBND xã các khó khăn, vướng mắc (qua Phòng Văn hóa – Xã hội) để xem xét, chỉ đạo và xử lý kịp thời./.

#### ***Nơi nhận:***

- Sở Khoa học và Công nghệ;
- TT. Đảng ủy xã; TT. HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT. UBND xã;
- UBMTTQ VN xã và các tổ chức CT-XH xã;
- Các phòng chuyên môn xã;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập xã;
- Chi nhánh các ngân hàng trên địa bàn xã;
- Các doanh nghiệp viễn thông;
- Các ấp;
- Chánh, các Phó CVP HĐND và UBND xã;
- Lưu: VT, VX, VHXH.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Hồ Quốc Tân**

**PHỤ LỤC I: DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ**  
(Kèm theo Kế hoạch số 99/KH-UBND ngày 25/3/2026 của UBND xã Đại Phước)

**I. HẠ TẦNG SỐ**

STT	Chỉ tiêu	Cơ quan/đơn vị chủ trì thực hiện	Cơ quan/đơn vị Phối hợp	Cơ quan hỗ trợ, hướng dẫn cấp trên	Thời gian	Kết quả
1	100% cơ quan hành chính nhà nước được đầu tư, chuẩn hóa trang thiết bị công nghệ thông tin, đường truyền đảm bảo để khai thác sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung, các nền tảng số được cấp trên triển khai một cách hiệu quả	Các cơ quan chuyên môn xã	Phòng VH-XH	Sở KH&CN	2026	100% cơ quan hành chính nhà nước, các ấp đảm bảo trang thiết bị
2	Hạ tầng mạng wifi tốc độ cao được đầu tư, lắp đặt phủ sóng tại trụ sở làm việc của các cơ quan hành chính nhà nước và một số điểm sinh hoạt công cộng đông dân cư phục vụ chuyển đổi số (dự kiến 30 điểm)	Phòng VH-XH	Các cơ quan, đơn vị xã	Sở KH&CN	2026	Đảm bảo mạng wifi tốc độ cao trong trụ sở làm việc các cơ quan chuyên môn; nhà văn hóa các ấp; các điểm sinh hoạt công cộng
3	Phủ sóng mạng 5G trên địa bàn xã đến hết năm 2026 tối thiểu phủ 85%;	Phòng VH-XH	Các doanh nghiệp Viễn thông, Phòng Kinh tế, các ấp	Sở KH&CN	2026	Phủ sóng mạng 5G chiếm 85% trên địa bàn xã
4	Tỷ lệ 70% người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ cao (01 Gbps) theo lộ trình của tỉnh đề ra	Phòng VH-XH	Các doanh nghiệp Viễn thông, Phòng Kinh tế, các ấp	Sở KH&CN	2026	70% người dùng cuối được truy cập internet tốc độ cao

## II. PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC

STT	Chỉ tiêu	Cơ quan/đơn vị chủ trì thực hiện	Cơ quan/đơn vị Phối hợp	Cơ quan hỗ trợ, hướng dẫn cấp trên	Thời gian	Kết quả
01	Tỷ lệ chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số/GRDP từ 2% trở lên và tăng dần theo yêu cầu phát triển của địa phương	Phòng Kinh tế	Phòng VH-XH, các cơ quan/đơn vị xã	Sở Tài chính, Sở KH&CN	2026	Đảm bảo ngân sách chi tối thiểu 2% cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
02	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản đạt 100%	Các cơ quan, đơn vị xã	Phòng VH-XH	Sở KH&CN	2026	Các cơ quan, đơn vị xã đảm bảo 100% cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng kỹ năng số bằng các hình thức trực tuyến, trực tiếp
03	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành, thực hiện chuyên môn nghiệp vụ đạt 100%	Các cơ quan, đơn vị xã	Phòng VH-XH	Sở KH&CN	2026	Các cơ quan, đơn vị xã đảm bảo 100% cán bộ, công chức, viên chức có kỹ năng số phục vụ chuyên môn nghiệp vụ (sử dụng AI, hệ thống, nền tảng số) thành thạo.
04	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông đạt trên 90%	Trạm Y tế xã; Phòng Kinh tế; Phòng VH-XH; Công an xã	Các ngành liên quan xã, Đoàn thanh niên, ấp, Tổ công nghệ số cộng đồng	Sở Y tế; Sở KH&CN; Sở Nông nghiệp & Môi trường; Công an tỉnh	Thường xuyên	90% người dân được tiếp cận dịch vụ

### III. PHÁT TRIỂN CHUYÊN ĐỔI SỐ

STT	Chỉ tiêu	Cơ quan/đơn vị chủ trì thực hiện	Cơ quan/đơn vị Phối hợp	Cơ quan hỗ trợ, hướng dẫn cấp trên	Thời gian	Kết quả
01	Chỉ số chuyển đổi số của xã thuộc Top 10 của tỉnh Đồng Nai	Phòng VH-XH	Các cơ quan/đơn vị; các ngành xã	Sở KH&CN	2026	Xã Đại Phước nằm trong Top 10 của tỉnh về chuyển đổi số
02	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền đạt 90%	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Các cơ quan chuyên môn giải quyết thủ tục hành chính xã	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; các Sở, ngành liên quan	2026	90% thủ tục hành chính thẩm quyền xã được thực hiện phi địa giới
03	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến đạt 100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Các cơ quan chuyên môn giải quyết thủ tục hành chính xã	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; các Sở, ngành liên quan	2026	100% thủ tục hành chính thẩm quyền xã được thực hiện trực tuyến
04	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc” đạt 100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Các cơ quan chuyên môn giải quyết thủ tục hành chính xã	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; các Sở, ngành liên quan	2026	100% giao dịch thuộc diện phi tiếp xúc thẩm quyền cấp xã được thực hiện
05	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa đạt 100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Các cơ quan chuyên môn giải quyết thủ tục hành chính xã	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; các Sở, ngành liên quan	2026	100% thủ tục hành chính cấp xã được số hóa theo quy định
06	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến	Trung tâm Phục vụ	Các cơ quan chuyên	Trung tâm Phục	2026	100% thủ tục hành chính

	toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện đạt 100%	hành chính công xã	môn giải quyết thủ tục hành chính xã	vụ hành chính công tỉnh; các Sở, ngành liên quan		cấp xã đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến
07	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến đạt 95%	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Các cơ quan chuyên môn giải quyết thủ tục hành chính xã	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; các Sở, ngành liên quan	2026	95% thủ tục hành chính cấp xã được xử lý trực tuyến
08	Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 80%	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Các cơ quan chuyên môn giải quyết thủ tục hành chính xã	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; các Sở, ngành liên quan	2026	80% người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính bằng hình thức dịch vụ công trực tuyến
09	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt trên 90%	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Các cơ quan chuyên môn giải quyết thủ tục hành chính xã	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; các Sở, ngành liên quan	2026	90% hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết được cấp kết quả điện tử
10	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt trên 80%	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Các cơ quan chuyên môn giải quyết thủ tục hành chính xã	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; các Sở, ngành liên quan	2026	80% hồ sơ thủ tục hành chính có khai thác, tái sử dụng lại thông tin trong kho dữ liệu tỉnh
11	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt trên 80%	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Các cơ quan chuyên môn giải quyết thủ tục hành chính xã	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; các Sở, ngành liên	2026	80% hồ sơ thủ tục hành chính có phí/lệ phí được thanh toán hình thức trực tuyến

				quan		
12	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước đạt 100%	Văn phòng HĐND-UBND xã	Các cơ quan, đơn vị xã	Văn phòng UBND tỉnh; Sở KH&CN	2026	100% văn bản (trừ mật) gửi/nhận điện tử
13	Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử đạt 100%	Văn phòng HĐND-UBND xã	Các cơ quan, đơn vị xã	Văn phòng UBND tỉnh; Sở KH&CN	2026	100% công việc được lãnh đạo UBND giao các cơ quan chuyên môn được theo dõi, đánh giá trên môi trường điện tử qua phần mềm quản lý và điều hành tỉnh
14	100% báo cáo kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh	Văn phòng HĐND-UBND xã	Phòng Kinh tế, Phòng VH-XH	Sở KH&CN	2026	100% báo cáo kinh tế - xã hội được thực hiện trên hệ thống báo cáo của tỉnh <a href="https://ktxh.dongnai.gov.vn">https://ktxh.dongnai.gov.vn</a>
15	Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử đạt 100%	Các cơ quan, đơn vị xã	Văn phòng HĐND-UBND xã; Phòng VH-XH	Văn phòng UBND tỉnh; Sở KH&CN	2026	100% chỉ đạo, điều hành của các cơ quan, đơn vị được thực hiện, theo dõi kết quả trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành tỉnh
16	Tỷ lệ các cơ quan đảng ủy, chính quyền xã sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất đạt 90%	Văn phòng Đảng ủy xã; Văn phòng HĐND-UBND xã	Các cơ quan đảng, nhà nước	Sở KH&CN	2026	90% các cơ quan đảng, nhà nước được cấp tài khoản và khai thác sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành thống nhất
17	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, tiểu thương, hội kinh	Phòng Kinh tế	Cơ quan Thuế; Phòng VH-XH,	Sở KH&CN	2026	Trên 60% doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, tiểu

	doanh trên địa bàn xã ứng dụng công nghệ số đạt trên 60%		Văn Phòng HĐND-UBND			thương, hội kinh doanh có ứng dụng ít nhất 01 công nghệ số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh
18	90% hợp tác xã, hộ kinh doanh, cửa hàng, tiểu thương trên địa bàn xã có cung cấp và chấp nhận thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt	Phòng Kinh tế	Phòng VH-XH; các ngành liên quan	Sở KH&CN	2026	90% hợp tác xã, hộ kinh doanh, cửa hàng, tiểu thương trên địa bàn xã có cung cấp tài khoản để thanh toán chuyển khoản trong giao dịch
19	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID) đạt trên 80%	Công an xã	Các ấp; Đoàn thanh niên, Tổ công nghệ số cộng đồng	Công an tỉnh	2026	80% dân số trên địa bàn xã được cấp có tài khoản định danh điện tử
20	Tỷ lệ người dân được định danh số đạt 100%	Công an xã	Các ấp; Đoàn thanh niên, Tổ công nghệ số cộng đồng	Công an tỉnh	2026	100% dân số xã có định danh số
21	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh có chữ ký số đạt 100%	Các cơ quan chuyên môn xã	Phòng VH-XH	Sở KH&CN	2026	100% cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan chuyên môn thuộc xã đảm bảo có chữ ký số Ban Cơ yếu
22	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt trên 95%	Phòng Kinh tế, Phòng VH-XH	Chi nhánh các ngân hàng, các doanh nghiệp Viễn thông, Công an xã, Đoàn thanh niên, ấp, Tổ công nghệ số cộng đồng	Ngân hàng Nhà nước tỉnh; Sở KH&CN	2026	95% người dân từ 15 tuổi trở lên của xã có ít nhất một tài khoản thanh toán

23	Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đạt trên 95%	Trạm Y tế	Phòng VH-XH, Đoàn thanh niên, ấp, Tổ công nghệ số cộng đồng	Sở Y tế	2026	95% người dân trên địa bàn xã có Sổ sức khỏe điện tử
24	Tỷ lệ cung cấp dữ liệu mở theo Kế hoạch đạt 100%	Các cơ quan/đơn vị; các ngành xã	Phòng VH-XH	Sở KH&CN	2026	100% các cơ quan/đơn vị; các ngành xã được tỉnh triển khai cơ sở dữ liệu mở đảm bảo việc cập nhật, khai thác sử dụng
25	Rà soát, làm sạch dữ liệu dân cư, hộ tịch, đất đai đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống” khớp với dữ liệu quốc gia về Dân cư	Các cơ quan/đơn vị; các ngành xã	Phòng VH-XH	Sở KH&CN	2026	Các cơ quan/đơn vị; các ngành liên quan đảm bảo rà soát làm sạch dữ liệu của ngành, lĩnh vực mình
26	Trên 90% trường Tiểu học đến THCS có triển khai môn học giáo dục STEM và kỹ năng số	Các trường Tiểu học và THCS trên địa bàn xã	Phòng VH-XH	Sở GD&ĐT	2026	90% các trường có triển khai mô hình dạy và học STEM
27	100% Tổ công nghệ số cộng đồng được phổ cập kỹ năng số đảm bảo hoạt động hiệu quả, trực tiếp hướng dẫn người dân sử dụng nền tảng, dịch vụ số	Các Tổ công nghệ số cộng đồng, Đoàn thanh niên, ấp	Phòng VH-XH	Sở KH&CN	2026	100% Thành viên các Tổ công nghệ số cộng đồng đảm bảo tham gia các chương trình phổ cập số

#### IV. AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG

STT	Chỉ tiêu	Cơ quan/đơn vị chủ trì thực hiện	Cơ quan/đơn vị Phối hợp	Cơ quan hỗ trợ, hướng dẫn cấp trên	Thời gian	Kết quả
01	Hệ thống thông tin mạng nội bộ của xã được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin (cấp độ 1) và triển khai đầy đủ phương án đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ	Phòng VH-XH	Công an xã, Văn phòng HĐND-UBND	Công an tỉnh	2026	Được Công an tỉnh phê duyệt cấp độ 1
02	100% máy tính làm việc có kết nối mạng internet của người dùng cuối trong các cơ quan, đơn vị xã phải được cài đặt phần mềm phòng chống mã độc Cyradar	Các cơ quan, đơn vị, trường học	Công an xã, Phòng VH-XH	Công an tỉnh	Thường xuyên	100% máy tính được cài đặt
03	100% tài khoản sử dụng trên các hệ thống dùng chung của Trung ương, của Tỉnh phải được thiết lập mật khẩu an toàn theo đúng quy định và thay đổi mật khẩu theo định kỳ	Các cơ quan, đơn vị, trường học	Công an xã, Phòng VH-XH	Công an tỉnh	Thường xuyên	Bảo đảm việc sử dụng các tài khoản đúng quy định an toàn thông tin

**PHỤ LỤC II: DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ/DỰ ÁN DỰ KIẾN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2026, 2027**  
(Kèm theo Kế hoạch số 99/KH-UBND ngày 25/3/2026 của UBND xã Đại Phước)

**I. NHIỆM VỤ/DỰ ÁN SỬ DỤNG KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN**

<b>TT</b>	<b>Tên Nhiệm vụ/Dự án</b>	<b>Nội dung thực hiện</b>	<b>Kinh phí dự kiến</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Cơ quan được giao trách nhiệm thực hiện</b>
01	Duy trì hoạt động Trang thông tin điện tử xã Đại Phước	Chi trả thù lao cho nhân sự trong Ban biên tập và nhuận bút cho tác giả được phát hành tin, bài trên Trang thông tin điện tử xã	200,000,000	2026	Phòng VH-XH
02	Thuê dịch vụ vận hành Hệ thống, duy trì cấp độ an toàn thông tin cho Hệ thống thông tin (hạ tầng mạng) xã Đại Phước.	Đảm bảo nguồn lực chuyên môn cho công tác vận hành, kiểm tra, giám sát hoạt động, duy trì và bảo dưỡng cho Hạ tầng mạng nội bộ xã, xử lý kịp thời các sự cố xảy ra (nếu có).	60,000,000	Quý II/2026	Phòng VH-XH
03	Hoạt động Quản lý nhà nước trên các lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Các hội nghị, cuộc họp, kiểm tra, giám sát, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn,....	300,000,000	Thường xuyên trong năm 2026	Phòng VH-XH
04	Thuê dịch vụ lưu trữ dự lập tập trung phục vụ quản lý dữ liệu trên địa bàn xã	Thuê dịch vụ lưu trữ điện toán đám mây (Cloud) để lưu trữ dữ liệu tập trung của các cơ quan chuyên môn đảm bảo an toàn và cung cấp công cụ AI hỗ trợ trong khai thác sử dụng	200,000,000	2026	Phòng VH-XH
05	Thuê dịch vụ phần mềm lắng nghe mạng xã hội trên địa bàn xã	Thuê dịch vụ phần mềm lắng nghe mạng xã hội tích hợp AI hỗ trợ công tác theo dõi, nắm bắt thông tin, dư luận trên các nền tảng mạng	120,000,000	Quý II-III/2026	Phòng VH-XH

		xã hội			
06	Đầu tư phòng họp trực tuyến cho Hội trường lớn tại Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Đại Phước	Lắp đặt màn hình Led, hệ thống âm thanh, máy lạnh tại Hội trường Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã Đại Phước phục vụ hoạt động, hội, họp của Đảng ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam xã	1,400,000,000	Quý III/2026	Phòng VH-XH
07	Đầu tư, duy trì hệ thống Wifi công cộng phục vụ chuyển đổi số tại các điểm sinh hoạt cộng đồng trên địa bàn	Lắp đặt mạng wifi tốc độ cao phục vụ truy cập Internet của cán bộ, công chức, viên chức tại trụ sở, các phòng họp, tiếp dân; chợ; các điểm sinh hoạt cộng đồng phục vụ nhu cầu truy cập của người dân thúc đẩy chuyển đổi số (dự kiến 30 điểm lắp đặt và duy trì)	450,000,000	Quý II-III/2026	Phòng VH-XH
08	Đầu tư trang thiết bị phục vụ họp trực tuyến cho các Ấp trên địa bàn xã Đại Phước	Trang bị tivi, máy tính, máy in, camera, microphone, ổ cứng di động lưu trữ (15 ắp)	350,000,000	Quý IV/2026	Phòng VH-XH
09	Xây dựng Zalo Mini App xã Đại Phước thực hiện cung cấp thông tin, dịch vụ, tương tác với người dân, doanh nghiệp	Tạo App Zalo mini là kênh cung cấp thông tin, dịch vụ và tương tác giữa chính quyền với người dân và doanh nghiệp trên môi trường điện tử; tích hợp trợ lý AI Chatbox hỗ trợ tương tác với người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính.	150,000,000	Quý II/2026	Phòng VH-XH
10	Thuê dịch vụ Tổ chức các cuộc thi trực tuyến (chuyển đổi số, cải cách hành chính, quy chế dân chủ, tìm hiểu pháp luật...) bằng nền tảng Web	Tổ chức các cuộc thi trực tuyến (chuyển đổi số, cải cách hành chính, quy chế dân chủ, tìm hiểu pháp luật...) bằng nền tảng Web, trên thiết bị di động	120,000,000	Quý II-III/2026	Văn phòng HĐND-UBND

11	Đầu tư phòng thu, dựng phim phục vụ chuyển đổi số trong hoạt động truyền thanh trên địa bàn xã Đại Phước	Đầu tư Phòng thu và dựng phim cho Trung tâm dịch vụ tổng hợp thực hiện nghiệp vụ (Các thiết bị Âm Thanh – Thu âm; Hệ thống quay phim (máy quay,..); máy tính và phần mềm dựng phim; Phụ kiện và Acoustic thu âm (tai nghe kiểm âm, Giá đỡ mic + màng dựng phim; Phụ kiện và Acoustic thu âm (tai nghe kiểm âm, Giá đỡ mic + shockmout + pop filter ...).	185,000,000	2026	Trung tâm dịch vụ tổng hợp
12	Đầu tư trang thiết bị phục vụ vận hành phòng họp không giấy tờ trên địa bàn xã Đại Phước	Đầu tư trang thiết bị phục vụ họp không giấy tờ	850,000,000	Quý II-III/2026	Phòng VH-XH

## II. DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG

TT	Tên dự án	Nội dung thực hiện	Tổng mức kinh phí dự kiến thực hiện	Thời gian thực hiện	Cơ quan được giao nhiệm vụ thực hiện
01	Nâng cấp, chuyển đổi hệ thống truyền thanh FM không dây sang truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông xã Đại Phước (giai đoạn 1)	Chuyển đổi hệ thống đài trung tâm FM không dây sang ứng dụng CNTT-VT; đầu tư thay thế các cụm loa hư hỏng và lắp đặt thêm các cụm loa sang ứng dụng CNTT-VT và duy trì tái sử dụng các cụm loa còn hoạt động tốt; trang bị phòng thu phát thanh	4,000,000,000	2026-2027	Phòng Kinh tế